

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Duy T - Sinh năm 1976.

Nơi sinh: Xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vũ Duy T1 (đã chết) và bà Vũ Thị L, sinh năm 1945. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Có vợ chị Vũ Thị T2, sinh năm 1979; Có 03 con, con lớn sinh năm 2001; con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 26/2013/HS-ST ngày 29/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xử phạt 6 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản và 27 tháng tù về

tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp hình phạt 33 tháng tù; Bản án phúc thẩm số 105/2013/HS-PT ngày 29/11/2013 của TAND tỉnh Hải Dương sửa bản án sơ thẩm nêu trên, xử phạt Thật 06 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản và 33 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp hình phạt 39 tháng tù. Thật chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 31/8/2015.

+ Ngày 21/02/2012, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 04/8/2020, UBND huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Đánh bạc trái phép.

Tạm giam; Tạm giữ: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa

2/ Nguyễn Bá T3 - Sinh năm 1971.

Nơi sinh: Xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Bá M (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ (đã chết). Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư.

Có vợ chị Vũ Thị X, sinh năm 1973; Có 02 con, con lớn sinh năm 1992; con nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giam; Tạm giữ: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa

3/ Vũ Duy C - Sinh năm 1988.

Nơi sinh: Xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vũ Duy N, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị M1, sinh năm 1964. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Có vợ chị Bùi Thị Kim C1, sinh năm 1995; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013; con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/4/2007, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Tạm giam; Tạm giữ: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa

4/ Nguyễn Văn T4 - Sinh năm 1973;

Nơi sinh: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Minh T5 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Có vợ chị Vũ Thị B, sinh năm 1973. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/8/2020, UBND huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi dùng nhà ở của mình để chứa đánh bạc và đánh bạc trái phép.

Tạm giam; Tạm giữ: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa

5/ Lê Văn M2 - Sinh năm 1968.

Nơi sinh: Xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Văn Đ1 (đã chết – ông Đ1 được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba năm 1963 và Huân chương kháng chiến hạng nhất năm 1987) và bà Vũ Thị M3 (đã chết). Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Có vợ chị Vũ Thị T6, sinh năm 1972; Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giam; Tạm giữ: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa

- **Người làm chứng:** Ông Vũ Duy N1 – Sinh năm 1956 (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày ngày 10/12/2022, Vũ Duy T, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C đi bộ từ nhà ở thôn N, xã B, huyện B đến nhà cụ Vũ Duy H, sinh năm 1933 ở cùng thôn để chơi (cụ H bị ốm nằm liệt giường). Trong lúc ngồi chơi uống nước ở gian ngoài phòng khách, T, T4, T3, C nhìn thấy bộ bài chắn để dưới chiếu trái ở nền nhà cạnh bàn thờ nên cùng rủ nhau đánh bạc trái phép sát phạt tiền lẫn nhau. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T, T4, T3, C ngồi xuống chiếu bắt đầu đánh bạc.

Cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: Bốn người chơi dùng bộ bài chắn 100 quân chia làm 5 phần, mỗi người chơi được chia 19 quân, người đánh trước được 20 quân, số còn lại để làm bài lọc được đặt trên đĩa. Người thắng của ván đó là người ù (tức là có đủ 6 chắn và 4 cạ); mức độ sát phạt là “xuông 20, dịch 10”, tức là ù xuống (ù không có cước) thì mỗi người phải trả cho người ù 20.000đ, ù có cước thì mỗi cước được tính bằng 1 điểm (tức là dịch 1 cước bằng 10.000đ), cụ thể: ù tôm được tính 3 điểm bằng 30.000đ; ù lèo được tính 4 điểm bằng 40.000đ; ù tám đỏ, ù bạch định, ù bạch thủ chi được tính 5 điểm bằng 50.000đ, nếu một trong bốn người chơi ù có được các cước nêu trên thì 3 người còn lại đều phải trả tiền cho người ù theo số tiền quy định; nếu bốc hết quân bài lọc trên bát mà không có người ù thì ván chơi đó hòa.

Cứ như vậy, các đối tượng đánh bạc đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Lê Văn M2 đến ngồi chơi cùng mọi người và xem đánh bạc, sau đó C đưa toàn bộ tiền của mình và nhờ M2 cầm bài đánh hộ để đi vệ sinh, sau khi vệ sinh xong, C tiếp tục ngồi xem mọi người đánh bạc. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì ông Vũ Duy N1 là con trai cụ H ở cùng thôn đến chăm sóc cụ H, sau đó ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc T, T4, T3, M2 đang đánh bạc (Mạnh cầm bài đánh hộ C), Chung ngồi xem bên cạnh thì bị Công an huyện B phát hiện, bắt giữ. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.940.000đ, 01 đĩa sứ, 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 chiếu nhựa loại chiếu đôi; Quản lý của T 2.100.000đ, T3 1.300.000đ, M2 650.000đ, T4 430.000đ, C 1.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.770.000đ, gồm: Tiền thu giữ trên chiếu bạc 1.940.000đ; thu giữ số tiền trên người các bị cáo dùng đánh bạc là 4.830.000 (gồm của T 2.100.000đ, Thuận

1.300.000đ, Thiệp 430.000đ. C 1.000.000đ). Trong đó T có 2.100.000đ dùng để đánh bạc, số tiền thắng để trên chiếu, số tiền 2.100.000đ cất trong người; Thuần có 1.600.000đ dùng đánh bạc, bị thua 80.000đ, 220.000đ để dưới chiếu, còn lại 1.300.000đ cất trong người; C có 1.320.000đ dùng đánh bạc, khi đánh bỏ ra 320.000đ dưới chiếu, còn lại 1.000.000đ cất trong người; Thiệp có 530.000đ dùng đánh bạc, bị thua 100.000đ, số còn lại 430.000đ cất trong người, sau đó các đối tượng đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B. Số tiền 650.000đ quản lý của M2 không sử dụng để đánh bạc.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 7.420.000đ quản lý của các bị cáo; 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sù, 01 chiếu nhựa hiện Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 15/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Vũ Duy T; Nguyễn Bá T3; Vũ Duy C; Nguyễn Văn T4; Lê Văn M2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2 phạm tội “Đánh bạc”.

- *Về hình phạt chính:*

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Duy T. Xử phạt bị cáo Vũ Duy T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Bá T3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T3 8 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 22 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3 cho Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện B, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Duy C. Xử phạt bị cáo Vũ Duy C từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn M2. Xử phạt bị cáo Lê Văn M2 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vũ Duy C, Nguyễn Bá T3, Lê Văn M2 cho Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Nguyễn Văn T4, Nguyễn Bá T3, Lê Văn M2 trong thời gian thi hành án cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- *Về hình phạt bổ sung*: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 6.770.000đ; Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa; Trả lại cho bị cáo Lê Văn M2 số tiền 650.000đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

[2.1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản vi phạm hành chính, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

[2.2] Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 22 giờ ngày 10/12/2022, tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương, Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2 có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt tiền lẫn nhau dưới hình thức “đánh chắn” thì bị Công an huyện B phát hiện bắt giữ, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.770.000đ.

[2.3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, ham chơi nên các bị cáo vẫn cố ý tụ tập, lôi cuốn nhau để cùng thực hiện hành vi chơi cờ bạc với hình thức đánh chắn. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, từ việc chơi bạc nhằm mục đích tư lợi, được thua sát phạt nhau bằng tiền là nguyên nhân của một số vi phạm pháp luật khác. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay tệ nạn cờ bạc đang có chiều hướng phát triển mạnh, gây nhức nhối trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận chơi cờ bạc bằng hình

thức đánh chặn với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.770.000đ nên hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đông người tham gia tuy nhiên các bị cáo cùng thống nhất ý chí trong việc chơi bạc, không có người lôi kéo và không có sự phân công vị trí, vai trò cụ thể của từng bị cáo do đó xác định chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Căn cứ vào tính tích cực trong hành vi, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nhân thân của các bị cáo để xác định vị trí của các bị cáo trong vụ án lần lượt là Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Bá T3, Lê Văn M2 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Vũ Duy T từng kết án nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo Vũ Duy T, bị cáo Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4 từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đến nay cũng đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T3, C, T4, M2 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T, T4 đã ăn năn hối cải, bị cáo T tự nguyện đóng quỹ khuyến học và quỹ phòng chống covid tại địa phương, bị cáo T4 tự nguyện đóng quỹ khuyến học tại địa phương; bị cáo M2 có bố đẻ là ông Lê Văn Đ1 được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba năm 1963 và Huân chương kháng chiến hạng nhất năm 1987 nên xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T, T4, M2.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bị cáo Vũ Duy T nhân thân đã từng bị kết án và bị xử phạt hành chính nhưng tính đến ngày phạm tội đã được xóa án tích và đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo Nguyễn Bá T3 nhân thân tốt, đều phạm tội ít nghiêm trọng, tham gia đánh bạc với lượng tiền ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt. Các bị cáo Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2 tham gia với vai trò sau, tham gia đánh bạc với lượng tiền ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Chung, T4, M2 đồng thời khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với số tiền 6.770.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước đối với số tiền nêu trên; Đối với 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy số vật chứng trên theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[7.2] Đối với số tiền 650.000đ thu của bị cáo M2 xác định không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo M2 số tiền nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với cụ Vũ Duy H bị ốm nằm liệt giường, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình; ông Vũ Duy N1 có mặt nhưng không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T4, Vũ Duy C, Lê Văn M2; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt chính:

2.1/ Xử phạt bị cáo Vũ Duy T **09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18 (mười tám)** tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T3 **08 (tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **16 (mười sáu)** tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3 cho Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện B, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2.4/ Xử phạt bị cáo Vũ Duy C **12** (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2.5/ Xử phạt bị cáo Lê Văn M2 **09** (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T4, Vũ Duy C, Lê Văn M2 cho Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong thời gian giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Nguyễn Văn T4, Vũ Duy C, Lê Văn M2 trong thời gian thi hành án cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn C2 đi khỏi nơi cư trú đang áp dụng với các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3, Vũ Duy C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn M2 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài chắn gồm 100 quân, mặt sau màu trắng; 01 chiếc chiếu nhựa, màu xanh; 01 chiếc đĩa sứ hình tròn màu trắng, trên đĩa có hoa văn màu đỏ.

+ Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 6.770.000đ và trả lại cho bị cáo Lê Văn M2 số tiền 650.000đ (số tiền này được niêm phong trong 01 Phong bì niêm phong ghi số 0401)

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 06 tháng 4 năm 2023).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Duy T, Nguyễn Bá T3, Nguyễn Văn T4, Vũ Duy C, Lê Văn M2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV-CA huyện Bình Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải